

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2018/HNGĐ – ST

Ngày: 19 – 9 – 2018

V/v ly hôn



**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Luận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Mua.

2. Ông Nguyễn Hoàng Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2018/TLST– HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phan Văn H, sinh năm 1977 – có mặt

Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thanh K, sinh năm 1981 – vắng mặt

Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Phan Văn H trình bày:

Vào năm 2000 trên cơ sở mai mối, tìm hiểu nhau, được sự đồng ý của gia đình anh H và chị K tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/9/2000 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian hạnh phúc vợ chồng được khoảng 03 tháng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân từ tháng

12/2000 cho đến nay. Hiện anh H không còn tình cảm với chị K nên yêu cầu ly hôn. Trong quá trình chung sống anh H và chị K không có con chung, tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là chị Lê Thanh K: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tổng tụng cho chị K, nhưng chị K vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan để đến Tòa án thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:

Do vụ việc không thuộc các trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình không có ý kiến và không tham gia phiên tòa sơ thẩm trong vụ việc này.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

+ Nguyên đơn là anh H đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án bao gồm: 01 đơn khởi kiện ghi ngày 23/4/2018; 01 giấy chứng minh nhân dân của anh H (Bản photo, công chứng); 01 trích lục kết hôn (Bản sao); 01 đơn xác nhận nơi cư trú; sổ hộ khẩu gia đình;

+ Bị đơn là chị K không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án;

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

+ Về hôn nhân: Anh H trình bày vào năm 2000 trên cơ sở mai mối và được sự đồng ý của gia đình, anh H và chị K có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/9/2000 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Đây là hôn nhân hợp pháp nên các đương sự không phải chứng minh.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự, không thống nhất:

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và qua hai lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cho chị K nhưng chị K không có ý kiến gì bằng văn bản và cũng không đến tham dự nên không xác định được sự thống nhất và không thống nhất của các đương sự trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, khách quan những tình tiết của vụ án; ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện anh H yêu cầu được ly hôn với chị K là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tam Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Căn cứ vào các Điều 196, 199, 208 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị K, nhưng chị K vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan để đến Tòa án thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với chị K.

[2] Về nội dung vụ việc:

Tại phiên tòa anh H trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với chị Lê Thanh K.

Về hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị K là hợp pháp; thời gian chung sống hạnh phúc được khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân từ tháng 12/2000 cho đến nay không trở về đoàn tụ. Sau đó anh H có làm đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với chị K tại Tòa án nhân dân huyện Tam Bình. Nay anh H xác định nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn được; anh H khẳng định không còn tình cảm với chị K và yêu cầu được ly hôn. Xét đời sống chung của anh chị là trầm trọng, hiện tại vợ chồng không còn đời sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H được ly hôn với chị K.

[3]. Về con chung: Anh H trình bày không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4]. Về tài sản chung, nợ chung phải thu, phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Phan Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền là 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*); Được khấu trừ vào số tiền anh H đã nộp là 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số N^o 0010862 ngày 23/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên anh H không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Văn H.
 - Về hôn nhân: Anh Phan Văn H được ly hôn với chị Lê Thanh K.
 - Về con chung: Anh H trình bày không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
 - Về tài sản chung, nợ chung: Anh H trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Phan Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền là 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*); Được khấu trừ vào số tiền anh H đã nộp là 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số N^o 0010862 ngày 23/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên anh H không phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- UBND xã Hòa Phú, huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Ngọc Luận